

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

- 1.1. Tên môn học: **HỘI NHẬP KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**
1.2. Mã môn học: **SEAS4301**
1.3. Khoa phụ trách: **Khoa XHH-CTXH-ĐNA**
1.4. Số tín chỉ: **03 LT (03LT/0TH)**

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Khu vực Đông Nam Á có xuất phát điểm về kinh tế thấp hơn nhiều khu vực khác, nhưng từ đầu thập niên 1990s đã nổi lên thành khu vực phát triển năng động với nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh hàng đầu trong nền kinh tế thế giới. Đó là kết quả của quá trình đẩy mạnh hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực (và giữa khu vực với phần còn lại của thế giới) kể từ sau Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ tư vào tháng 01/1992. Nói khác đi, việc nâng cấp quan hệ hội nhập kinh tế khu vực với những bước đi hợp lý để thích nghi với tiến trình toàn cầu hóa diễn ra nhanh chóng trên thế giới thời gian qua là nguyên nhân cơ bản của những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tốt đẹp hiện nay tại các quốc gia ASEAN. Nghiên cứu nắm rõ bản chất quan hệ hội nhập kinh tế của khu vực Đông Nam Á để có thể khai thác tốt nhất những cơ hội phát triển từ đó là một yêu cầu cơ bản đối với cán bộ hoạch định chính sách của các chính thể kinh tế từ cấp doanh nghiệp cho đến nền kinh tế quốc gia. Trên cơ sở đó, môn học này được thiết kế dành cho sinh viên đại học ngành *Đông Nam Á*, với nội dung gồm 3 phần như sau:

- (1) Trình bày các vấn đề cơ bản của quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa (chương 1, 2, 3).
- (2) Phân tích các định chế hợp tác trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á (chương 4, 5, 6).
- (3) Nghiên cứu tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia Đông Nam Á (trình bày danh mục các báo cáo chuyên đề, phân công sinh viên nghiên cứu thực hiện theo nhóm, dành ít nhất 1/3 thời lượng của môn học cho các nhóm thuyết trình và thảo luận).

3. MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung:

Đảm bảo sau khi học xong môn này sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng phân tích để đề xuất chính sách hội nhập kinh tế quốc tế cho các chính thể kinh tế (từ cấp doanh nghiệp cho đến ngành hàng, vùng lãnh thổ và nền kinh tế quốc gia) để làm việc trong các doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến quan hệ hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á. Hơn thế, với kiến thức của môn học này, sinh viên cũng có thể tiếp tục học chuyên sâu ở trình độ sau đại học trong các chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

3.2.1. Về kiến thức:

Giúp cho người học hiểu rõ bản chất của quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa, nhận thức được cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cả trên cấp độ hội nhập toàn cầu và hội nhập khu vực. Qua đó, người học cũng sẽ am hiểu sâu sắc vai trò tác động của các định chế hợp tác kinh tế khu vực Đông Nam Á để tiếp cận quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của các chính thể kinh tế một cách phù hợp.

3.2.2. Về kỹ năng:

Trang bị cho người học có đủ năng lực phân tích và đề ra đối sách (cả ở tầm vi mô và vĩ mô) giúp cho các chính thể kinh tế thích nghi tốt với tiến trình hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trong đó, có chú trọng đến vấn đề rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế cho sinh viên.

3.2.3. Về thái độ:

Làm cho người học có cái nhìn đúng đắn về tính hai mặt của vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế để không bài bác các xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa một cách cực đoan, mà phải có thái độ chấp nhận tích cực để tìm cách khai thác tốt nhất các mặt lợi ích, hạn chế đến mức thấp nhất những tác hại của toàn cầu hóa và khu vực hóa, đảm bảo phát triển bền vững trong điều kiện có thể.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

Chương	Mục	Nội dung cơ bản	Số tiết				Tài liệu tự học
			TC	LT	BT	TH	
Chương 1: Hội nhập kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.	1.1. Toàn cầu hóa.	(1) Khái niệm toàn cầu hóa. (2) Tính hai mặt (lợi ích và tác hại) của toàn cầu hóa. (3) Xu hướng phát triển của toàn cầu hóa và sự đan xen của khu vực hóa.	5	5			Xem nội dung chương 1 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế Đông Nam Á</i> . Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.
	1.2. Tổng quan kinh tế thế giới dưới tác động của toàn cầu hóa.	(1) Tình hình tăng trưởng kinh tế thế giới từ đầu thập niên 1990s đến nay. (2) Sự di chuyển nguồn lực kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. (3) Quan hệ kinh tế quốc tế dưới tác động của toàn cầu hóa.					

	1.3. Yêu cầu khách quan phải đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.	(1) Nền tảng của các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay. (2) Các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại. (3) Yêu cầu khách quan phải đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.				
<u>Chương 2:</u> Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế toàn cầu.	2.1. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu.	(1) Khái niệm hội nhập kinh tế toàn cầu. (2) Những nội dung cơ bản của hội nhập kinh tế toàn cầu. (3) Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu.	5	5		Xem nội dung chương 2 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế Đông Nam Á</i> . Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.
	2.2. Cơ hội và thách thức của các quốc gia trong hội nhập kinh tế toàn cầu.	(1) Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế toàn cầu. (2) Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế toàn cầu. (3) Đối sách trước cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế toàn cầu.				
	2.3. Các định chế hội nhập kinh tế toàn cầu.	(1) Hệ thống Bretton Woods. (2) Hệ thống Liên Hiệp Quốc. (3) Hệ thống GATT/WTO. (4) Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO. (5) Hội nhập kinh tế toàn cầu đối với các nước đang phát triển.				
<u>Chương 3:</u> Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế khu vực.	3.1. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế khu vực.	(1) Khái niệm hội nhập kinh tế khu vực. (2) Những nội dung cơ bản của hội nhập kinh tế khu vực. (3) Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế khu vực.	5	5		Xem nội dung chương 3 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế Đông Nam Á</i> . Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.
	3.2. Cơ hội và thách thức của các quốc gia trong hội nhập kinh tế khu vực.	(1) Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế khu vực. (2) Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế khu vực. (3) Đối sách trước cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế khu vực				
	3.3. Các định chế hội nhập kinh tế khu vực.	(1) Định chế hội nhập khu vực cấp thấp. (2) Định chế hội nhập khu vực cấp cao. (3) Các định chế bổ sung để phát huy hiệu quả hội nhập kinh tế khu vực. (4) Hội nhập kinh tế khu vực đối với các nước đang phát triển.				

Chương 4: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).	4.1. Tổng quan về ASEAN.	(1) Lịch sử hình thành và phát triển ASEAN. (2) Tổ chức và cơ chế hoạt động của ASEAN. (3) Tổng quan kinh tế - xã hội của ASEAN.	5	5		Xem nội dung chương 4 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế Đông Nam Á</i> . Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.
	4.2. Quan hệ hợp tác kinh tế trong khuôn khổ của ASEAN.	(1) Giai đoạn 1967 – 1991 (ASEAN.6). (2) Giai đoạn 1992 – 2010 (tiến tới ASEAN.10 và xây dựng AFTA). (3) Giai đoạn từ 2010 trở đi (sau khi đã hoàn thành AFTA). (4) Cơ hội và thách thức từ hội nhập AFTA.				
	4.3. Thành tựu và triển vọng của ASEAN.	(1) Thành tựu kinh tế của ASEAN. (2) Đánh giá triển vọng của ASEAN. (3) Quá độ đi lên Cộng đồng ASEAN.				
Chương 5: Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).	5.1. Tổng quan về AEC.	(1) Lịch sử hình thành AEC. (2) Tổ chức và cơ chế hoạt động của AEC. (3) Vai trò của AEC trong Cộng đồng ASEAN.	5	5		Xem nội dung chương 5 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế Đông Nam Á</i> . Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.
	5.2. Quan hệ hợp tác kinh tế trong khuôn khổ của AEC.	(1) Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA). (2) Hiệp định khung về dịch vụ ASEAN (AFAS). (3) Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA). (4) Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân (MNP).				
	5.3. Đánh giá triển vọng của AEC.	(1) Cơ hội của AEC. (2) Thách thức đối với AEC. (3) Đánh giá triển vọng của AEC.				
Chương 6: Hợp tác của ASEAN với các đối tác ngoài khu vực.	6.1. Tính tất yếu khách quan phải mở rộng quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN.	(1) ASEAN là khu vực quan trọng của lòng chảo Châu Á – Thái Bình Dương. (2) Yêu cầu tăng tốc phát triển kinh tế khu vực để thích nghi với toàn cầu hóa. (3) Tính tất yếu khách quan phải mở rộng quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN.	5	5		Xem nội dung chương 6 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế Đông Nam Á</i> . Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.
	6.2. Quan hệ hội nhập với các đối tác ngoài khu vực	(1) Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA).				

	theo phương thức ASEAN+1.	(2) Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP). (3) Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA). (4) Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Ấn Độ (AIFTA). (5) Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Úc và New Zealand (AANZFTA).				
	6.3. Xu hướng mở rộng quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN.	(1) Thúc đẩy quan hệ kinh tế với các đối tác hiện hữu. (2) Tiềm năng mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác mới. (3) Xu hướng mở rộng quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN.				
<u>Báo cáo chuyên đề:</u> Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia Đông Nam Á.	(1) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Brunei. (2) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Campuchia. (3) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Indonesia. (4) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Lào. (5) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Malaysia. (6) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Myanmar. (7) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Philippines. (8) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Singapore. (9) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Thái Lan. (10) Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.	15	15		Tùy theo sỹ số của lớp, phân ra mỗi nhóm 4 – 5 sinh viên, giao cho mỗi nhóm một đề tài. Các nhóm làm việc ngoài giờ lên lớp để nghiên cứu viết báo cáo chuyên đề. Số tiết bài tập dành cho mỗi chuyên đề (tối thiểu 1,5 tiết) là thời gian thuyết trình và thảo luận trên lớp để chấm điểm quá trình.	
	Tổng cộng	45	30	15		

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

5.1. Tài liệu chính:

- [1] Nguyễn Văn Sơn: *Bài giảng Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á*. Tài liệu lưu hành nội bộ, 2018.

5.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Hoàng Thị Chinh, Nguyễn Phú Tụ, Nguyễn Hữu Lộc: *Giáo trình Kinh tế Quốc tế*. NXB Thống Kê, 2010.
- [2] Guillochon Bernard, Ngân Điệp (dịch): *Toàn cầu hóa: Duy nhất một hành tinh, nhiều dự án khác nhau*, NXB Trẻ, 2011.
- [3] Thomas L. Friedman: *Chiếc Lexus và cây ô liu (The Lexus and the olive tree)*. Dịch giả: Lê Minh. NXB Khoa học Xã hội, 2005.
- [4] Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld: *International economics: theory and policy*. Pearson, 2015.
- [5] Dominick Salvatore: *International Economics: trade and finance, 10th Edition*. Singapore: John Wiley & Sons, 2011.
- [6] Bernard Hoekman, Aaditya Mattoo, Philip English: *Development, Trade, and the WTO – A handbook*. The World Bank, 2002.
- [7] Các Website:
- <http://asean.vietnam.vn>
 - <http://www.wto.org>
 - <http://www.imf.org>
 - <http://www.unctad.org>
 - <http://www.unido.org>
 - <http://www.oecd.org>
 - <http://europa.eu>
 - <http://www.vnep.org.vn>
 - <http://www.aseansec.org>
 - <http://www.apecsec.org>
 - <http://www.un.org>
 - <http://www.worldbank.org>
 - <http://www.undp.org>
 - <http://www.weforum.org>
 - <http://www.trungtamwto.vn>
 - <http://chongphagia.vn>
 - <http://www.tbvtvn.org>

6. Đánh giá kết quả học tập:

Quy định thang điểm : 10

STT	Hình thức đánh giá	Tỉ lệ %
1	Kiểm tra giữa kỳ (viết báo cáo chuyên đề, thuyết trình theo nhóm)	40%
2	Thi cuối kỳ (trắc nghiệm khách quan)	60%

Ghi chú:

- Điểm kiểm tra giữa kỳ: là tổng số của điểm báo cáo chuyên đề và các điểm thành phần đánh giá theo quá trình khác (nếu có).
- Điểm thi kiểm tra cuối kỳ: là điểm của 01 lần thi kiểm tra tập trung do nhà trường tổ chức.

7. Tổ chức giảng dạy và học tập:

7.1. Kế hoạch giảng dạy lớp ngày (4,5 tiết/buổi)

STT	Buổi học	Nội dung	Ghi chú
1	Buổi 1	<ul style="list-style-type: none">Trình bày mục tiêu của môn học; phổ biến kế hoạch giảng dạy; qui định hình thức làm báo cáo chuyên đề.Giảng chương 1: <i>Hội nhập kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.</i>	
2	Buổi 2	<ul style="list-style-type: none">Giảng chương 2: <i>Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế toàn cầu.</i>	
3	Buổi 3	<ul style="list-style-type: none">Giảng chương 3: <i>Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế khu vực.</i>	
4	Buổi 4	<ul style="list-style-type: none">Giảng chương 4: <i>Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).</i>	
5	Buổi 5	<ul style="list-style-type: none">Giảng chương 5: <i>Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).</i>	
6	Buổi 6	<ul style="list-style-type: none">Giảng chương 6: <i>Hợp tác của ASEAN với các đối tác ngoài khu vực.</i>	
7	Buổi 7	<ul style="list-style-type: none">Thuyết trình lần 1 (2 – 3 nhóm).	Tùy theo số của từng lớp mà phân nhóm và qui định kế hoạch thuyết trình cụ thể.
8	Buổi 8	<ul style="list-style-type: none">Thuyết trình lần 2 (2 – 3 nhóm).	
9	Buổi 9	<ul style="list-style-type: none">Thuyết trình lần 3 (2 – 3 nhóm).	
10	Buổi 10	<ul style="list-style-type: none">Thuyết trình lần 4 (1 – 2 nhóm).Tổng kết phần thuyết trình; và phụ đạo ôn thi cuối kỳ.	

7.2. Kế hoạch giảng dạy lớp tối (3,5 tiết/buổi)

STT	Buổi học	Nội dung	Ghi chú
1	Buổi 1	<ul style="list-style-type: none">Trình bày mục tiêu của môn học; phổ biến kế hoạch giảng dạy; qui định hình thức làm báo cáo chuyên đề.Giảng chương 1: <i>Hội nhập kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.</i>	
2	Buổi 2	<ul style="list-style-type: none">Giảng chương 2: <i>Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế toàn cầu (2.1; 2.2).</i>	
3	Buổi 3	<ul style="list-style-type: none">Giảng chương 2 tiếp theo (2.3).Giảng chương 3: <i>Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế khu vực (3.1).</i>	

STT	Buổi học	Nội dung	Ghi chú
4	Buổi 4	• Giảng chương 3 tiếp theo (3.2; 3.3).	
5	Buổi 5	• Giảng chương 4: <i>Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)</i> (4.1; 4.2).	
6	Buổi 6	• Giảng chương 4 tiếp theo (4.3). • Giảng chương 5: <i>Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)</i> (5.1; 5.2).	
7	Buổi 7	• Giảng chương 5 tiếp theo (5.2; 5.3). • Giảng chương 6: <i>Hợp tác của ASEAN với các đối tác ngoài khu vực</i> (6.1).	
8	Buổi 8	• Giảng chương 6 tiếp theo (6.2; 6.3).	
9	Buổi 9	• Thuyết trình lần 1 (2 nhóm).	Tùy theo số số của từng lớp mà phân nhóm và qui định kế hoạch thuyết trình cụ thể.
10	Buổi 10	• Thuyết trình lần 2 (2 nhóm).	
11	Buổi 11	• Thuyết trình lần 3 (2 nhóm).	
12	Buổi 12	• Thuyết trình lần 4 (2 nhóm).	
13	Buổi 13	• Thuyết trình lần 5 (2 nhóm). • Tổng kết phần thuyết trình; và phụ đạo ôn thi cuối kỳ.	

8. GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN SƠN.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ.

PHỤ TRÁCH KHOA

HÀ MINH TRÍ